

Số: 36/2020/QĐST-HNGĐ

B, ngày 30 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ  
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2020/TLST - HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2020 giữa:

\* Nguyên đơn: Chị Lô Thị T. Sinh năm 1993.

\* Bị đơn: Anh Phùng Quang N. Sinh năm 1992.

Đều trú tại: Thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lô Thị T và anh Phùng Quang N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

\* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lô Thị T và anh Phùng Quang N thuận tình ly hôn.

\* *Về con chung*: Chị Lô Thị T và anh Phùng Quang N có 01 con chung là Phùng Quang T sinh ngày 03/5/2016, con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Sau ly hôn chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai

được cản trở.

\* *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

\* *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Về vay nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Về án phí*: Chị Lô Thị T tự nguyện chịu 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 08766 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chị Lô Thị T được hoàn lại số tiền: 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Phùng Quang N không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND H. B;
- Đường sự;
- UBND xã L,
- H. N (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS H. B;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP;

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Thế Doanh**